BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC ĐIỆN TẠI CÁC KHU VỰC
TỪ THÁNG 1 - 12 NĂM 2020

NGÀY LẬP 10/01/2021

STT	Bộ phận/ Khu vực	Tổng số Kwh tiêu thụ	Tổng doanh thu	Tổng số khách/m²/kg/ ngày phòng	TB thực hiện 01 - 12/2019		Định mức năm 2019		TB thực hiện 01 - 12/2020		So sánh tỉ lệ thực hiện 2019 với 2020		So sánh Tỉ lệ thực hiện với định mức		Số kwh tiết kiệm so với Định mức	Số tiền tiết kiệm (VND)
					MT	KT	MT	KT	MT	KT	MT	KT	MT	KT		
1	Hoa Mai	55,902	7,077,330,338	39,487	0.77	1.31%	0.76	1.30%	1.42	1.9%	83.0%	46.6%	186.3%	147.6%	-25,892	-62,917,268
2	Rooftop Garden	34,668	13,252,778,862	30,748	0.48	0.33%	0.47	0.32%	1.13	0.6%	136.4%	94.0%	239.9%	198.6%	-20,216	-49,125,949
3	Cung Đình	63,720	8,812,898,058	14,577	-	-	-	-	4.37	1.8%	-	-	-	-	-	-
4	Hoàng Sa	37,805	8,979,553,529	14,557	-	-	-	-	2.60	1.0%	-	-	-	-	-	-
5	Tiệc - Hội nghị East	46,310	11,566,542,590	22,452	0.0019	0.88%	0.0019	0.87%	0.0035	1.0%	81%	10.9%	182.5%	111.8%	-3,867	-9,397,959
6	Tiệc - Hội nghị Exec	53,340	14,549,376,815	23,958	0.002	0.67%	0.0024	0.66%	0.0029	0.9%	23%	33.3%	123.3%	135.0%	-8,504	-20,664,102
7	Phòng ngủ	262,315	51,765,427,313	23,456	9.97	1.04%	9.97	1.03%	11.18	1.2%	12.1%	18.9%	112.2%	119.6%	-28,459	-69,154,592
8	Nhà giặt	81,997	450,682,400	530,169	0.123	22.33%	0.12	-	0.155	44.2%	25.5%	-	128.9%	-	-18,377	-44,655,430
9	Bếp lầu 6	18,343	30,480,827,662	92,142	0.34	0.30%	0.33	0.30%	0.20	0.1%	-40.7%	-50.7%	59.6%	49.6%	12,433	30,211,772
10	Bếp Cung Đình	123,245	37,338,929,711	76,685	1.32	0.70%	1.32	0.69%	1.61	0.8%	21.4%	14.4%	121.8%	116.2%	-22,021	-53,510,544
11	Bếp Căn tin	19,590	-	115,952	0.17	-	0.17	-	0.17	-	0.5%	-	101.2%	-	-226	-548,247
12	Khối Văn phòng	26,580	-	-	0.0015	-	-	-	0.0013	-	-18.1%	-	-	-	-	-
14	GYM + POOL	54,256	727,165,852	2,840	10.91	9%	-	-	19.10	18.1%	-	91.5%	-	-	-	-
15	Rex Health Club	13,340	708,767,661	1,742	7.91	3%	-	-	7.66	4.6%	-	-	-	-	-	-
16	Galaxy	795,138	24,901,224,750	-	-	9.85%	-	-	-	7.8%	-	-21.3%	-	-	-	-
17	Solar New wing	40,700	21,592,444,407	127,879	0.2	0.25%	-	-	0.32	0.5%	44.3%	83.6%	-	-	-	-
18	Solar East wing	84,940	30,053,419,296	84,594	0.4	0.16%	-	-	1.00	0.7%	182.9%	330.5%	-	-	-	-
19	Mặt bằng cho thuê	2,247,019	78,890,617,750	-	-	8.69%	-	-	-	6.9%	-	-20.3%	-	-	-	-
20	Khách sạn	3,708,910	152,108,462,946	23,456	70.9	3.66%	-	-	158.12	5.9%	123.0%	62.0%	-	-	-2,045,442	-4,970,423,576
21	**Toàn khách sạn**	**5,955,929**	**240,002,318,221**	**23,456**	**102.2**	**4.34%**	103.5	4.3%	**253.9**	**6.0%**	**148.4%**	**38.8%**	**245.3%**	**140.2%**	**-3,558,556**	-8,647,289,930

*** Ghi chú:**

- Đơn giá TB tiền điện **2,430 kwh/đ**
- MT: Định mức môi trường; Đơn vị tính: kwh/khách (nhà hàng); kwh/ngày phòng (phòng ngủ); kwh/kg đồ giặt (nhà giặt); kwh/m²/h (Tiệc - Hội nghị, Khối Văn phòng).
- KT: Định mức kinh tế; Đơn vị tính: Tị lệ % chi phí tiền điện/doanh thu

*** Nhận xét:**

- Toàn khách sạn, năm 2020 lượng điện tiêu thụ/ ngày phòng tăng 148%; chi phí điện/doanh thu tăng 38.8% so với cùng kỳ 2019.
- Các khu vực không đạt các định mức chỉ tiêu kinh tế và môi trường so với pháp lệnh điện trong năm 2020 là: Hoa Mai, Rooftop, Tiệc - HN, Nhà giặt, Bếp Căn tin, Bếp Cung Đình.

*** Đề nghị:**

Trưởng Bộ Phận/Outlets lập Hồ sơ Biểu mẫu Ghi nhận Thông tin và sự không phù hợp, phân tích rõ ràng và đầy đủ các nguyên nhân và đề xuất các hành động khắc phục, phòng ngừa cần phải thực hiện nhằm đạt được định mức khách sạn đề ra trong các tháng tiếp theo. Đồng thời, phải thông báo cho tất cả nhân viên trong bộ phận để thực hiện và lưu các hồ sơ liên quan.

Soát xét & phê duyệt: Đại diện Lãnh đạo MT
Vũ Ngọc Lộc

File: BTHD.12.20